

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**
Số: 17/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 13 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 262/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Phạm S, sinh năm 1985; Căn cước công dân số 046085015XXX cấp ngày 19/8/2025, nơi cấp: Bộ Công an; địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Huế.

- Chị Dương Thị Kim Ch, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 046186000XXX cấp ngày 01/3/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn V, xã H, thành phố Huế.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Huế) nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh S và chị Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 03 người con chung là Phạm Dương Bảo Ng, sinh ngày 20/11/2012; Phạm Dương Bảo H, sinh ngày 04/9/2014 và Phạm Dương Bảo Kh, sinh ngày 01/6/2020. Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch thỏa thuận giao 02 người con chung là cháu Phạm Dương Bảo Ng và cháu Phạm Dương Bảo H cho anh Phạm S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao người con chung là cháu Phạm Dương Bảo Kh cho chị

Dương Thị Kim Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch thuận tình ly hôn.

1.2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 người con chung là Phạm Dương Bảo Ng, sinh ngày 20/11/2012; Phạm Dương Bảo H, sinh ngày 04/9/2014 cho anh Phạm S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao người con chung là Phạm Dương Bảo Kh, sinh ngày 01/6/2020 cho chị Dương Thị Kim Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Phạm S và chị Dương Thị Kim Ch mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001437 và Biên lai số 0001439 cùng ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh S và chị Ch đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4 - Huế;
- UBND xã H(ĐKKH ngày 12/7/2010);
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú